

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 27/05/2021

“ V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA-TỈNH ĐỒNG NAI**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Triều Châu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trung Diễm.

2. Bà Thiều Thị Phi Loan

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Mạnh Tuấn- Thư ký TAND TP.Biên Hòa.

***- Đại diện VKSND thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:*** Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 05 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2722/2020/TLST-HNGĐ ngày 23/12/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1994.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T1, sinh năm 1994.

Cùng trú tại: Khu phố Long Khánh 1, Phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

( Bà T, ông T1 có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\*Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai của nguyên đơn bà Trần Thị Cẩm T trình bày: Bà T và ông Nguyễn Minh T1 tự nguyện yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn năm 2014 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Quá trình chung sống không hạnh phúc nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ và đã sống ly thân với nhau. Nay bà không còn tình cảm với ông T1 nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 29/7/2015; Nguyễn Minh L, sinh ngày 12/04/2018. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được nuôi hai cháu Nhung và Lộc vì hiện hai cháu đang sống ổn định với bà, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do bận công việc bà T đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt tại phiên tòa xét xử.

\*Ông Nguyễn Minh T1 có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa và có bản tự khai như sau: Nếu bà T cương quyết ly hôn thì ông đồng ý và hai con chung là Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 29/7/2015; Nguyễn Minh L, sinh ngày 12/04/2018 ông T1 đồng ý để cho bà T nuôi dưỡng. Tạm thời ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có;

Về nợ chung: Không thiếu nợ ai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án và đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa là đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của bà T có căn cứ.

Về con chung: Hai con chung Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 29/7/2015; Nguyễn Minh L, sinh ngày 12/04/2018. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được nuôi hai cháu N và L vì hiện hai cháu đang sống ổn định với bà nên đề nghị giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Tạm thời ông T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về án phí: Bà T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Minh T1 cư trú tại phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho ông T1 về việc thụ lý vụ án, làm việc, hòa giải, công khai chứng cứ và tham gia phiên tòa. Ông T1 đã có bản tự khai và có đơn xin vắng mặt. Bà Trần Thị Cẩm T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông T1 chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đ nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của bà T thì vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung nên thường xuyên gây gổ nhau và đã sống ly thân. Tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông T1 để bà ổn định cuộc sống mới. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà T và ông T1 thật sự trầm trọng không thể hàn gắn được, bà T và ông T1 đã sống ly thân, Tòa án đã tạo điều kiện hòa giải hàn gắn đoàn tụ nhưng bà T cương quyết ly hôn không đồng ý đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông Nguyễn Minh T1.

[3] Về con chung: Bà T và ông T1 có hai con chung Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 29/7/2015; Nguyễn Minh L, sinh ngày 12/04/2018. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được nuôi hai cháu N và L vì hiện hai cháu đang sống ổn

định với bà và ông T1 cũng đồng ý để các con chung cho bà T nên giao con chung cho bà T nuôi dưỡng. Tạm thời ông T1 không cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết, bà T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên cần ghi nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 207 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 9,10,11,12 Luật Hôn nhân gia đình năm 2000; Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014;

Áp dụng Điều 6; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Cẩm T. Bà Trần Thị Cẩm T được ly hôn với ông Nguyễn Minh T1.

2.Về con chung: Giao hai con chung Nguyễn Thị Cẩm N, sinh ngày 29/7/2015 và Nguyễn Minh L, sinh ngày 12/04/2018 cho bà T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm thời ông T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Minh T1 được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, các đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Cẩm T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự TP Biên Hòa, biên lai số 0007800 ngày 17/12/2020. Bà T đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND TP.Biên Hòa (2);
- Chi cục THA dân sự TP.Biên Hòa (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- UBND P.Tam Phước, Biên Hòa (1);
- Lưu hồ sơ vụ án (1);
- Lưu văn phòng (1).

**Nguyễn Triều Châu**

